

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt phương thức quản lý, tiêu chuẩn định mức  
xe ô tô chức danh, phục vụ công tác chung của tỉnh Quảng Nam**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô;*

*Theo ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 1062-CV/TU ngày 14/6/2022, Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 163/HĐND-VP ngày 01/6/2022 và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 153/TTr-STC ngày 25/4/2022, Tờ trình số 03/TTr-STC ngày 04/01/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương thức quản lý, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chức danh, phục vụ công tác chung của tỉnh Quảng Nam, cụ thể như sau:

1. Về phương thức quản lý xe ô tô chức danh và phục vụ công tác chung:

a) Đối với xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Đảng; khối HĐND và UBND ở cấp tỉnh: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng.

b) Đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Đảng, HĐND và UBND cấp huyện: Giao cho Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện thực hiện quản lý xe ô tô tập trung để bố trí cho các đơn vị ở huyện theo quy định tại khoản 2, Điều 13, Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

2. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chức danh và phục vụ công tác chung:

a) Xe ô tô chức danh gồm 05 xe (Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh). Hiện nay, chức danh Chủ tịch HĐND tỉnh do Bí thư Tỉnh ủy kiêm nhiệm và chức danh Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh do Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kiêm nhiệm nên không bố trí xe.

b) Xe ô tô phục vụ công tác chung 116 xe; gồm:

- Khối tỉnh: 56 xe; gồm: Văn phòng Tỉnh ủy 02 xe, Văn phòng UBND tỉnh 03 xe; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh 04 xe; các Sở, Ban, ngành, các tổ chức tương đương 47 xe (mỗi đơn vị 01 xe).

- Khối huyện: 60 xe; gồm: 06 huyện miền núi 24 xe (mỗi huyện 04 xe); 12 huyện, thị xã, thành phố còn lại 36 xe (mỗi địa phương 03 xe).

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

3. Các nội dung khác quy định về quản lý, sử dụng và khoán xe ô tô thực hiện theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ và Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể; Văn phòng HĐND&UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện việc quản lý xe ô tô theo quy định.

2. Sở Tài chính căn cứ tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chức danh, phục vụ công tác chung tham mưu điều chuyển, đăng ký, kê khai và tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định. Đồng thời theo dõi việc ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ để tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Chánh Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Hội, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3931/QĐ-UBND ngày 04/12/2019 của UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- BTV TU, TT HĐND tỉnh, UBMTTQVN;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Huyện, Thị, Thành ủy và HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- CPVP;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH Quảng Nam;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, TH, KTN, KG-VX, NC, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Quang**

## Phụ lục

### TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHỨC DANH VÀ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023  
của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Tên đơn vị	Định mức (chiếc)	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>121</b>	
<b>I</b>	<b>Xe chức danh</b>	<b>05</b>	
1	Bí thư Tỉnh ủy	01	
2	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy	01	
3	Chủ tịch UBND tỉnh	01	
4	Chủ tịch HĐND tỉnh	01	Nếu kiêm nhiệm thì không bố trí xe
5	Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh chuyên trách	01	Nếu kiêm nhiệm thì không bố trí xe
<b>II</b>	<b>Xe dùng chung</b>	<b>116</b>	
<b>A</b>	<b>Các đơn vị khối tỉnh</b>	<b>56</b>	
1	Văn phòng UBND tỉnh	03	
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	04	
3	Văn phòng Tỉnh ủy	02	
4	Các Ban, Ủy ban và đơn vị thuộc Tỉnh ủy		
	- Ban Tổ chức	01	
	- Ủy ban Kiểm tra	01	
	- Ban Nội chính	01	
	- Ban Tuyên giáo	01	
	- Ban Dân vận	01	

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Định mức (chiếc)</b>	<b>Ghi chú</b>
	- Báo Quảng Nam	01	
	- Đảng ủy khối cơ quan	01	
5	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	01	
6	Tỉnh đoàn	01	
7	Sở Khoa học và Công nghệ	01	
8	Sở Công Thương	01	
9	Sở Ngoại vụ	01	
10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	01	
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	01	
12	Sở Giao thông vận tải	01	
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	01	
14	Sở Tài chính	01	
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	01	
16	Sở Tư pháp	01	
17	Sở Thông tin và Truyền thông	01	
18	Sở Nội vụ	01	
19	Sở Y tế	01	
20	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	01	
21	Sở Xây dựng	01	
22	Sở Giáo dục và Đào tạo	01	
23	Thanh tra tỉnh	01	
24	Trường Chính trị	01	
25	Trường Cao đẳng Y tế	01	
26	Trường Đại học Quảng Nam	01	
27	Trường Cao đẳng Quảng Nam	01	
28	Hội Cựu chiến binh	01	

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Định mức (chiếc)</b>	<b>Ghi chú</b>
29	Hội Nông dân	01	
30	Hội Liên hiệp phụ nữ	01	
31	Quỹ Bảo vệ Phát triển rừng	01	
32	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp	01	
33	Ban Dân tộc tỉnh	01	
34	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật	01	
35	Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Quảng Nam	01	
36	Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam	01	
37	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng tỉnh	01	
38	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Quảng Nam	01	
39	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	01	
40	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Sông Thanh	01	
41	Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam	01	
42	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Nam	01	
43	Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai	01	
44	Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam	01	
<b>B</b>	<b>Các đơn vị khối huyện</b>	<b>60</b>	
	<b>Các huyện, thị xã, thành phố (trừ 06 huyện miền núi)</b>		
1	Thành phố Tam Kỳ	03	
2	Thành phố Hội An	03	
3	Thị xã Điện Bàn	03	

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Định mức (chiếc)</b>	<b>Ghi chú</b>
4	Huyện Phú Ninh	03	
5	Huyện Thăng Bình	03	
6	Huyện Quế Sơn	03	
7	Huyện Duy Xuyên	03	
8	Huyện Núi Thành	03	
9	Huyện Đại Lộc	03	
10	Huyện Tiên Phước	03	
11	Huyện Hiệp Đức	03	
12	Huyện Nông Sơn	03	
	<b>Các huyện miền núi (06 huyện)</b>		
13	Huyện Bắc Trà My	04	
14	Huyện Nam Trà My	04	
15	Huyện Nam Giang	04	
16	Huyện Đông Giang	04	
17	Huyện Tây Giang	04	
18	Huyện Phước Sơn	04	